BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2640 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên chính quy ngày 08/10/2020 của Hội đồng thi và xét công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh cho **200** sinh viên đại học hệ chính quy dự thi đợt tháng 9/2020, trong đó:

* Khoá 11 (2015-2019): 23 sinh viên, cụ thể như sau:

+ Ngành Bảo hiểm: 02 sinh viên;
+ Ngành Công tác xã hội: 03 sinh viên;
+ Ngành Kế toán: 06 sinh viên;

+ Ngành Quản trị kinh doanh: 05 sinh viên;

+ Ngành Quản trị nhân lực: 07 sinh viên.

(*chi tiết tại Phụ lục I*)

* Khoá 12 (2016-2020): 125 sinh viên, cụ thể như sau:

+ Ngành Bảo hiểm: 19 sinh viên;

+ Ngành Công tác xã hội: 32 sinh viên;

+ Ngành Kế toán: 33 sinh viên;

+ Ngành Quản trị kinh doanh: 08 sinh viên;

+ Ngành Quản trị nhân lực: 33 sinh viên.

(*chi tiết tại Phụ lục II*)

* Khoá 13 (2017-2021): 38 sinh viên, cụ thể như sau:

+ Ngành Bảo hiểm: 01 sinh viên;

+ Ngành Công tác xã hội: 04 sinh viên;

+ Ngành Kinh tế: 04 sinh viên;

+ Ngành Kế toán: 17 sinh viên;

+ Ngành Quản trị kinh doanh: 07 sinh viên;

+ Ngành Quản trị nhân lực: 05 sinh viên.

(*chi tiết tại Phụ lục III*)

* Khoá 14 (2018-2022): 13 sinh viên, cụ thể như sau:

+ Ngành Công tác xã hội: 03 sinh viên;

+ Ngành Kế toán: 05 sinh viên;

+ Ngành Luật kinh tế: 02 sinh viên;

+ Ngành Quản trị nhân lực: 03 sinh viên.

(*chi tiết tại Phụ lục IV*)

* Khoá 15 (2019-2023): 01 sinh viên, cụ thể như sau:

+ Ngành Quản trị nhân lực: 01 sinh viên;

(*chi tiết tại Phụ lục V*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 11 (2015-2019)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 2640 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
I	**Ngành Bảo hiểm:**										
1	13/9/2020	1111030222	Nguyễn Linh	Chi	06/07/1997	Nữ	D11BH4	305	240	**545**	
2	13/9/2020	1111030348	Nguyễn Hồng	Trang	06/03/1997	Nữ	D11BH5	200	290	**490**	
II	**Ngành Công tác xã hội:**										
1	13/9/2020	1111040002	Hoàng Mai	Anh	03/11/1996	Nữ	D11CT1	365	405	**770**	
2	13/9/2020	1111040317	Bùi Thị Quỳnh	Trang	09/07/1997	Nữ	D11CT4	270	325	**595**	
3	13/9/2020	1111040233	Trần Quỳnh	Trang	18/08/1997	Nữ	D11CT3	280	305	**585**	
III	**Ngành Kế toán:**										
1	13/9/2020	1111020328	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/09/1997	Nữ	D11KT5	280	355	**635**	
2	13/9/2020	1111020265	Đỗ Ngọc	Huyền	12/12/1997	Nữ	D11KT4	245	370	**615**	
3	13/9/2020	1111020605	Phạm Thị Thúy	Ninh	26/01/1997	Nữ	D11KT8	220	285	**505**	
4	13/9/2020	1111020459	Lê Thiên	Thành	13/07/1997	Nam	D11KT6	175	225	**400**	
5	13/9/2020	1111020615	Phạm Thị Phương	Thảo	02/05/1997	Nữ	D11KT8	400	385	**785**	
6	13/9/2020	1111020625	Nguyễn Thanh	Tùng	25/02/1997	Nam	D11KT8	420	140	**560**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
IV	**Ngành Quản trị kinh doanh:**										
1	13/9/2020	1111050166	Nguyễn Mai	Anh	29/05/1997	Nữ	D11QK3	320	280	**600**	
2	13/9/2020	1111050366	Nguyễn Thị	Mai	05/07/1997	Nữ	D11QK5	295	305	**600**	
3	13/9/2020	1111050131	Nguyễn Hoàng	Ngân	03/06/1997	Nữ	D11QK2	275	350	**625**	
4	13/9/2020	1111050227	Mai Thanh	Thảo	23/10/1997	Nữ	D11QK3	380	125	**505**	
5	13/9/2020	1111050237	Vũ Văn	Tuấn	03/06/1997	Nam	D11QK3	315	185	**500**	
V	**Ngành Quản trị nhân lực:**										
1	13/9/2020	1111010636	Nguyễn Hà Minh	Ánh	26/06/1997	Nữ	D11QL9	365	255	**620**	
2	13/9/2020	1111010558	Hoàng Thị Linh	Chi	09/11/1997	Nữ	D11QL8	325	275	**600**	
3	13/9/2020	1111010508	Trần Thanh	Huyền	08/06/1997	Nữ	D11QL7	345	175	**520**	
4	13/9/2020	1111010674	Đinh Thị	Mận	04/01/1997	Nữ	D11QL9	370	170	**540**	
5	13/9/2020	1111010523	Nguyễn Thị	Nga	04/03/1997	Nữ	D11QL7	220	225	**445**	
6	13/9/2020	1111010210	Nguyễn Thị	Ngọc	09/07/1997	Nữ	D11QL3	350	405	**755**	
7	13/9/2020	1111010682	Hoàng Thị Hương	Quỳnh	08/04/1997	Nữ	D11QL9	420	185	**605**	

Danh sách này có 23 sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 12 (2016-2020)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 2640 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
I	**Ngành Bảo hiểm:**										
1	13/9/2020	1112030009	Lê Thị Vân	Anh	18/06/1998	Nữ	D12BH01	225	300	**525**	
2	13/9/2020	1112030002	Nguyễn Hải	Anh	22/08/1998	Nữ	D12BH01	310	255	**565**	
3	13/9/2020	1112030167	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	17/11/1998	Nữ	D12BH03	200	305	**505**	
4	13/9/2020	1112030140	Nguyễn Phương	Anh	30/07/1998	Nữ	D12BH03	170	270	**440**	
5	13/9/2020	1112030018	Lưu Thị Ngọc	Bích	29/10/1998	Nữ	D12BH01	325	130	**455**	
6	13/9/2020	1112030225	Hoàng Hà Ngọc	Diệp	29/03/1998	Nữ	D12BH03	315	240	**555**	
7	13/9/2020	1112030153	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	06/06/1998	Nữ	D12BH04	295	255	**550**	
8	13/9/2020	1112030211	Đoàn Quang	Hiệu	17/04/1998	Nam	D12BH03	170	270	**440**	
9	13/9/2020	1112030071	Đoàn Gia	Long	08/01/1998	Nam	D12BH01	315	330	**645**	
10	13/9/2020	1112030149	Bùi Thị	Lý	22/11/1998	Nữ	D12BH02	235	280	**515**	
11	13/9/2020	1112030077	Nguyễn Thị Linh	Nga	02/07/1998	Nữ	D12BH02	275	205	**480**	
12	13/9/2020	1112030096	Nguyễn Thị	Nụ	10/05/1998	Nữ	D12BH02	365	405	**770**	
13	13/9/2020	1112030084	Phạm Thị	Oanh	15/05/1998	Nữ	D12BH02	275	385	**660**	
14	13/9/2020	1112030028	Võ Hoài	Phương	20/11/1998	Nữ	D12BH01	270	180	**450**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
15	13/9/2020	1112030046	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/10/1998	Nữ	D12BH01	245	195	**440**	
16	13/9/2020	1112030172	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	26/03/1998	Nữ	D12BH04	190	230	**420**	
17	13/9/2020	1112030121	Trần Thị	Tuyết	28/01/1998	Nữ	D12BH02	240	280	**520**	
18	13/9/2020	1112030171	Ngô Bích	Việt	19/04/1998	Nữ	D12BH03	270	225	**495**	
19	13/9/2020	1112030078	Nguyễn Quốc	Việt	09/08/1998	Nam	D12BH02	280	145	**425**	
II	**Ngành Công tác xã hội:**										
1	13/9/2020	1112040083	Cao Hải	Anh	18/07/1998	Nam	D12CT02	295	330	**625**	
2	13/9/2020	1112040327	Đặng Thị	Anh	25/07/1998	Nữ	D12CT05	335	360	**695**	
3	13/9/2020	1112040124	Đinh Thị Diệp	Anh	25/12/1997	Nữ	D12CT02	300	155	**455**	
4	13/9/2020	1112040175	Dương Thị Phương	Anh	23/09/1998	Nữ	D12CT03	275	310	**585**	
5	13/9/2020	1112040017	Lê Thị Ngọc	Ánh	08/12/1998	Nữ	D12CT01	390	400	**790**	
6	13/9/2020	1112040036	Vy Thị	Đông	03/02/1998	Nữ	D12CT01	310	335	**645**	
7	13/9/2020	1112040325	Nông Thế	Dương	16/01/1998	Nam	D12CT05	115	360	**475**	
8	13/9/2020	1112040376	Hoàng Phương	Duy	13/12/1998	Nam	D12STCT01	230	210	**440**	
9	13/9/2020	1112040065	Hoàng Thị Hương	Giang	28/09/1998	Nữ	D12CT01	190	250	**440**	
10	13/9/2020	1112040148	Phùng Thị	Hiền	05/11/1998	Nữ	D12CT03	390	420	**810**	
11	13/9/2020	1112040211	Lê Mạnh	Hùng	24/11/1998	Nam	D12CT03	360	145	**505**	
12	13/9/2020	1112040154	Lê Thị	Hương	25/08/1997	Nữ	D12CT03	325	375	**700**	
13	13/9/2020	1112040270	Đàm Thị	Lệ	18/04/1997	Nữ	D12CT04	250	220	**470**	
14	13/9/2020	1112040123	Lò Thị	Liên	14/03/1998	Nữ	D12CT02	400	150	**550**	
15	13/9/2020	1112040010	Hoàng Thị	Mơ	08/01/1998	Nữ	D12CT01	370	385	**755**	
16	13/9/2020	1112040377	Trần Quang	Nam	11/10/1996	Nam	D12STCT01	350	290	**640**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
17	13/9/2020	1112040150	Nguyễn Thị	Nga	06/12/1998	Nữ	D12CT03	340	340	**680**	
18	13/9/2020	1112040043	Lường Thị Hồng	Ngọc	24/11/1998	Nữ	D12CT01	200	385	**585**	
19	13/9/2020	1112040294	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/04/1998	Nữ	D12CT04	255	290	**545**	
20	13/9/2020	1112040044	Đồng Thị	Quế	07/02/1998	Nữ	D12CT01	325	415	**740**	
21	13/9/2020	1112040007	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	06/05/1998	Nữ	D12CT01	475	405	**880**	
22	13/9/2020	1112040020	Phạm Thị	Thanh	10/12/1998	Nữ	D12CT01	380	210	**590**	
23	13/9/2020	1112040256	Phin Thị	Thoát	05/10/1998	Nữ	D12CT04	360	310	**670**	
24	13/9/2020	1112040269	Nguyễn Toàn	Thuận	16/06/1998	Nam	D12CT04	390	355	**745**	
25	13/9/2020	1112040169	Đậu Mỹ	Thương	25/05/1998	Nữ	D12CT03	360	120	**480**	
26	13/9/2020	1112040373	Nguyễn Quý	Thưởng	26/02/1998	Nam	D12STCT01	345	100	**445**	
27	13/9/2020	1112040111	Nguyễn Quốc Phương	Thuý	27/09/1998	Nữ	D12CT02	430	385	**815**	
28	13/9/2020	1112040078	Nguyễn Thị	Trà	21/02/1998	Nữ	D12CT02	410	375	**785**	
29	13/9/2020	1112040345	Hoàng Thiên	Trang	28/01/1998	Nữ	D12CT05	330	360	**690**	
30	13/9/2020	1112040361	Trần Thị Thu	Trang	13/07/1997	Nữ	D12CT05	320	355	**675**	
31	13/9/2020	1112040301	Lo Thị Hải	Vân	13/08/1998	Nữ	D12CT05	175	260	**435**	
32	13/9/2020	1112040331	Đào Hồng	Việt	01/07/1998	Nam	D12CT05	160	360	**520**	
III	**Ngành Kế toán:**										
1	13/9/2020	1112020394	Lê Ngọc	Anh	13/08/1998	Nữ	D12KT06	195	285	**480**	
2	13/9/2020	1112020458	Nguyễn Thị Phương	Anh	25/11/1998	Nữ	D12KT07	270	285	**555**	
3	13/9/2020	1112020220	Bùi Thị Xuân	Chiều	10/06/1998	Nữ	D12KT03	240	270	**510**	
4	13/9/2020	1112020243	Vũ Việt	Chinh	09/09/1998	Nữ	D12KT04	255	230	**485**	
5	13/9/2020	1112020055	Phạm Thị Kim	Chung	20/04/1998	Nữ	D12KT01	220	340	**560**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
6	13/9/2020	1112020324	Hoàng Kim	Cúc	17/10/1998	Nữ	D12KT05	395	435	**830**	
7	13/9/2020	1112020150	Đoàn Thị Thùy	Dương	19/02/1998	Nữ	D12KT02	220	180	**400**	
8	13/9/2020	1112020193	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19/01/1998	Nữ	D12KT03	310	350	**660**	
9	13/9/2020	1112020182	Phùng Thị Thùy	Dương	10/01/1998	Nữ	D12KT03	235	175	**410**	
10	13/9/2020	1112020724	Nguyễn Thanh	Hằng	02/10/1998	Nữ	D12KT10	250	255	**505**	
11	13/9/2020	1112020554	Nguyễn Thị	Hiên	13/08/1998	Nữ	D12KT08	160	280	**440**	
12	13/9/2020	1112020235	Vũ Thị	Hoa	11/03/1998	Nữ	D12KT04	310	270	**580**	
13	13/9/2020	1112020016	Bùi Thị	Hòa	13/01/1998	Nữ	D12KT01	325	395	**720**	
14	13/9/2020	1112020083	Trần Thị	Hoàn	26/09/1998	Nữ	D12KT02	380	325	**705**	
15	13/9/2020	1112020323	Nguyễn Thị	Hồng	25/07/1998	Nữ	D12KT05	285	115	**400**	
16	13/9/2020	1112020070	Trần Thị	Hồng	17/06/1997	Nữ	D12KT01	330	250	**580**	
17	13/9/2020	1112020138	Nguyễn Thị	Hương	29/07/1998	Nữ	D12KT02	350	155	**505**	
18	13/9/2020	1112020249	Lê Quốc	Huy	27/02/1998	Nam	D12KT04	400	100	**500**	
19	13/9/2020	1112020096	Nguyễn Quang	Huy	10/01/1998	Nam	D12KT02	360	160	**520**	
20	13/9/2020	1112020453	Phạm Thị Khánh	Huyền	23/10/1998	Nữ	D12KT07	275	280	**555**	
21	13/9/2020	1112020067	Phan Minh	Huyền	31/03/1998	Nữ	D12KT01	175	230	**405**	
22	13/9/2020	1112020319	Lê Thu	Mây	27/06/1998	Nữ	D12KT05	190	210	**400**	
23	13/9/2020	1112020485	Lê Thị Thúy	Ngân	20/10/1998	Nữ	D12KT07	200	210	**410**	
24	13/9/2020	1112020491	Vũ Thị	Ngọc	02/07/1997	Nữ	D12KT06	390	175	**565**	
25	13/9/2020	1112020252	Nguyễn Thị Kim	Nhung	04/06/1998	Nữ	D12KT04	250	175	**425**	
26	13/9/2020	1112010689	Thân Thị Lâm	Oanh	04/03/1998	Nữ	D12STKT01	225	300	**525**	
27	13/9/2020	1112020510	Đặng Thị	Thơm	28/12/1998	Nữ	D12KT07	175	300	**475**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
28	13/9/2020	1112020399	Bùi Thị Huyền	Trang	02/06/1998	Nữ	D12KT06	245	235	**480**	
29	13/9/2020	1112020020	Đỗ Quỳnh	Trang	18/12/1998	Nữ	D12KT01	220	350	**570**	
30	13/9/2020	1112020171	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/04/1998	Nữ	D12KT03	405	425	**830**	
31	13/9/2020	1112020143	Nguyễn Thu	Trang	23/02/1998	Nữ	D12KT02	410	125	**535**	
32	13/9/2020	1112020175	Phạm Thị	Trang	23/07/1998	Nữ	D12KT03	410	145	**555**	
33	13/9/2020	1112020537	Tạ Thị Ngọc	Trang	27/12/1998	Nữ	D12KT08	135	320	**455**	
IV	**Ngành Quản trị kinh doanh:**										
1	13/9/2020	1112050123	Nguyễn Thị Trâm	Anh	15/10/1998	Nữ	D12QK02	325	300	**625**	
2	13/9/2020	1112050070	Phạm Thị	Hà	03/02/1998	Nữ	D12QK01	160	335	**495**	
3	13/9/2020	1112050219	Phí Thị Hồng	Hạnh	30/07/1998	Nữ	D12QK03	250	255	**505**	
4	13/9/2020	1112050121	Phạm Khánh	Linh	19/04/1998	Nữ	D12QK02	195	300	**495**	
5	13/9/2020	1112050104	Trương Thị Thanh	Nga	12/11/1998	Nữ	D12QK02	275	345	**620**	
6	13/9/2020	1112050315	Ngụy Thị	Ngọc	01/04/1998	Nữ	D12QK05	230	325	**555**	
7	13/9/2020	1112050073	Đinh Thị	Tươi	30/11/1998	Nữ	D12QK01	255	240	**495**	
8	13/9/2020	1112050051	Hoàng Thị	Vinh	30/12/1998	Nữ	D12QK01	255	290	**545**	
V	**Ngành Quản trị nhân lực:**										
1	13/9/2020	1112010433	Bùi Phương	Anh	13/08/1998	Nữ	D12QL06	230	200	**430**	
2	13/9/2020	1112010630	Nguyễn Hải	Anh	27/02/1998	Nữ	D12QL09	225	225	**450**	
3	13/9/2020	1112010210	Trần Thủy	Chung	12/08/1998	Nữ	D12QL03	285	185	**470**	
4	13/9/2020	1112010327	Nguyễn Trường	Giang	21/07/1998	Nam	D12QL05	440	130	**570**	
5	13/9/2020	1112010323	Lê Phạm Việt	Hà	04/12/1998	Nữ	D12QL05	400	430	**830**	
6	13/9/2020	1112010674	Hồ Thị	Hằng	13/08/1998	Nữ	D12QL09	400	170	**570**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
7	13/9/2020	1112010162	Nghiêm Thị Minh	Hằng	15/01/1998	Nữ	D12QL03	395	150	**545**	
8	13/9/2020	1112010092	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	09/10/1996	Nữ	D12QL02	230	200	**430**	
9	13/9/2020	1112010084	Bùi Thị	Hoài	05/06/1998	Nữ	D12QL02	225	200	**425**	
10	13/9/2020	1112010158	Đỗ Thị	Hồng	02/03/1998	Nữ	D12QL03	185	335	**520**	
11	13/9/2020	1112010524	Đoàn Minh	Huệ	27/03/1998	Nữ	D12QL07	95	370	**465**	
12	13/9/2020	1112010249	Nguyễn Mỹ	Hường	20/11/1998	Nữ	D12QL04	375	135	**510**	
13	13/9/2020	1112010216	Lê Thị Thanh	Huyền	21/12/1998	Nữ	D12QL03	330	180	**510**	
14	13/9/2020	1112010547	Đỗ Thị	Khánh	26/04/1998	Nữ	D12QL08	185	235	**420**	
15	13/9/2020	1112010010	Giáp Tuấn	Linh	26/06/1998	Nam	D12QL01	400	180	**580**	
16	13/9/2020	1112010265	Nguyễn Thị	Linh	20/04/1998	Nữ	D12QL04	405	280	**685**	
17	13/9/2020	1112010285	Nguyễn Thùy	Linh	22/09/1998	Nữ	D12QL04	190	280	**470**	
18	13/9/2020	1112010233	Trần Thị	Linh	01/06/1998	Nữ	D12QL04	195	235	**430**	
19	13/9/2020	1112010682	Đinh Thị Thanh	Ly	08/11/1998	Nữ	D12STQL01	280	180	**460**	
20	13/9/2020	1112010185	Lương Hồng	Ly	18/01/1998	Nữ	D12QL03	395	175	**570**	
21	13/9/2020	1112010481	Nguyễn Thị	Ly	29/10/1998	Nữ	D12QL07	285	275	**560**	
22	13/9/2020	1112010421	Trần Thị Hương	Ly	08/07/1998	Nữ	D12QL06	225	235	**460**	
23	13/9/2020	1112010123	Đào Bích	Ngọc	11/08/1998	Nữ	D12QL02	405	195	**600**	
24	13/9/2020	1112010248	Nguyễn Trang	Nhung	26/02/1998	Nữ	D12QL04	225	285	**510**	
25	13/9/2020	1112010580	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/10/1998	Nữ	D12QL08	325	310	**635**	
26	13/9/2020	1112010213	Bùi Mạnh	Thắng	10/10/1998	Nam	D12QL03	325	320	**645**	
27	13/9/2020	1112010684	Đào Phương	Thảo	14/06/1998	Nữ	D12STQL01	295	145	**440**	
28	13/9/2020	1112010207	Nhâm Thị	Thư	26/02/1998	Nữ	D12QL03	235	365	**600**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
29	13/9/2020	1112010068	Nguyễn Thị Minh	Thúy	29/01/1998	Nữ	D12QL01	235	200	**435**	
30	13/9/2020	1112010304	Nguyễn Thủy	Tiên	18/10/1998	Nữ	D12QL05	260	230	**490**	
31	13/9/2020	1112010311	Hà Thị	Tình	14/04/1998	Nữ	D12QL05	195	210	**405**	
32	13/9/2020	1112010414	Nguyễn Thị Hương	Uyên	29/10/1998	Nữ	D12QL06	220	255	**475**	
33	13/9/2020	1112010480	Trịnh Hải	Yến	08/02/1998	Nữ	D12QL07	175	270	**445**	

Danh sách này có 125 sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 13 (2017-2021)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 2640 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
I	**Ngành Bảo hiểm:**										
1	13/9/2020	1113030067	Lê Thị	Huyền	18/05/1998	Nữ	D13BH01	180	270	**450**	
II	**Ngành Công tác xã hội:**										
1	13/9/2020	1113040093	Linh Quang	Hùng	04/07/1999	Nam	D13CT02	285	195	**480**	
2	13/9/2020	1113040197	Đàm Thị	Thu	05/11/1999	Nữ	D13CT05	110	320	**430**	
3	13/9/2020	1113040086	Vũ Hải	Vân	12/03/1999	Nữ	D13CT02	245	210	**455**	
4	13/9/2020	1113040036	Vũ Thị	Yến	06/02/1999	Nữ	D13CT01	185	250	**435**	
III	**Ngành Kinh tế:**										
1	13/9/2020	1113060002	Phan Thị Vân	Anh	06/12/1999	Nữ	D13KL01	220	270	**490**	
2	13/9/2020	1113060056	Trần Thị	Hoa	18/02/1999	Nữ	D13KL01	230	200	**430**	
3	13/9/2020	1113060041	Đinh Thị	Hoàn	26/04/1999	Nữ	D13KL01	250	220	**470**	
4	13/9/2020	1113060058	Long Thị	Nhung	12/06/1999	Nữ	D13KL01	115	320	**435**	
IV	**Ngành Kế toán:**										
1	13/9/2020	1113020084	Phan Thị Thúy	An	11/08/1999	Nữ	D13KT02	255	325	**580**	
2	13/9/2020	1113020551	Lương Hoàng	Anh	29/09/1994	Nam	D13KT08	230	345	**575**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
3	13/9/2020	1113020248	Trần Thị	Ánh	08/10/1999	Nữ	D13KT10	195	270	**465**	
4	13/9/2020	1113020480	Vũ Đình	Công	03/05/1999	Nam	D13KT07	225	210	**435**	
5	13/9/2020	1113020115	Nguyễn Đức	Đạt	03/12/1999	Nam	D13KT02	260	225	**485**	
6	13/9/2020	1113020072	Phạm Thị	Hải	03/02/1999	Nữ	D13KT01	230	195	**425**	
7	13/9/2020	1113020423	Trần Lương Việt	Hằng	13/01/1999	Nữ	D13KT06	180	295	**475**	
8	13/9/2020	1113020243	Lê Minh	Hiếu	20/02/1999	Nam	D13KT04	255	235	**490**	
9	13/9/2020	1113020465	Vương Thị Thúy	Hồng	31/12/1999	Nữ	D13KT07	255	205	**460**	
10	13/9/2020	1113020053	Nguyễn Thu	Hương	03/03/1999	Nữ	D13KT01	315	185	**500**	
11	13/9/2020	1113020469	Tống Thị Khánh	Linh	31/10/1999	Nữ	D13KT07	175	240	**415**	
12	13/9/2020	1113020139	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	14/07/1999	Nữ	D13KT02	225	180	**405**	
13	13/9/2020	1113020144	Nguyễn Thị Thu	Phương	09/07/1999	Nữ	D13KT02	210	400	**610**	
14	13/9/2020	1113020014	Võ Thị	Quỳnh	06/10/1999	Nữ	D13KT01	185	330	**515**	
15	13/9/2020	1113020050	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/12/1999	Nữ	D13KT01	255	295	**550**	
16	13/9/2020	1113020223	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17/12/1999	Nữ	D13KT03	165	285	**450**	
17	13/9/2020	1113020283	Nguyễn Phương	Thuý	28/10/1998	Nữ	D13KT04	275	220	**495**	
V	**Ngành Quản trị kinh doanh:**										
1	13/9/2020	1113050138	Nguyễn Mai	Hương	30/06/1999	Nữ	D13QK02	360	340	**700**	
2	13/9/2020	1113050090	Nguyễn Thanh	Huyền	11/06/1999	Nữ	D13QK06	330	185	**515**	
3	13/9/2020	1113050119	Trần Anh	Minh	30/07/1999	Nam	D13QK02	410	240	**650**	
4	13/9/2020	1113050049	Nguyễn Hữu	Nam	08/12/1999	Nam	D13QK01	375	345	**720**	
5	13/9/2020	1113050192	Nguyễn Việt	Quang	28/10/1999	Nam	D13QK03	270	210	**480**	
6	13/9/2020	1113050163	Nguyễn Công	Thành	06/02/1999	Nam	D13QK03	255	270	**525**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
7	13/9/2020	1113050012	Nguyễn Thanh	Tùng	27/10/1999	Nam	D13QK01	160	290	**450**	
VI	**Ngành Quản trị nhân lực:**										
1	13/9/2020	1113010266	Nguyễn Minh	Đạt	06/11/1999	Nam	D13QL04	255	220	**475**	
2	13/9/2020	1113010489	Nguyễn Thị	Giang	09/04/1999	Nữ	D13QL07	195	280	**475**	
3	13/9/2020	1113010255	Nguyễn Thanh	Hoa	25/02/1999	Nữ	D13QL09	250	230	**480**	
4	13/9/2020	1113010251	Nguyễn Thị	Huyền	08/08/1999	Nữ	D13QL04	305	280	**585**	
5	13/9/2020	1113010029	Trần Thị Quỳnh	Trang	28/09/1999	Nữ	D13QL01	200	240	**440**	

Danh sách này có 38 sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 14 (2018-2022)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 2640 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
I	**Ngành Công tác xã hội:**										
1	13/9/2020	1114040169	Phạm Tiến	Đạt	26/09/2000	Nam	D14STCT01	345	230	**575**	
2	13/9/2020	1114040046	Bùi Bích	Hoài	13/03/2000	Nữ	D14CT01	220	200	**420**	
3	13/9/2020	1114040016	Lê Thị Hồng	Vui	04/11/2000	Nữ	D14CT01	170	305	**475**	
II	**Ngành Kế toán:**										
1	13/9/2020	1114020616	Ngô Hồng	Hà	02/10/2000	Nữ	D14KT09	400	355	**755**	
2	13/9/2020	1114020201	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	21/01/2000	Nữ	D14KT03	275	220	**495**	
3	13/9/2020	1114020189	Phạm Hương	Ly	01/08/2000	Nữ	D14KT03	280	300	**580**	
4	13/9/2020	1114020708	Huỳnh Thu	Phương	10/12/2000	Nữ	D14STKT01	165	235	**400**	
5	13/9/2020	1114020707	Đỗ Đức	Thành	04/02/2000	Nam	D14STKT01	260	185	**445**	
III	**Ngành Luật kinh tế:**										
1	13/9/2020	1114080025	Đỗ Quang	Anh	04/12/2000	Nam	D14LK01	310	305	**615**	
2	13/9/2020	1114080018	Trần Ngọc	Minh	29/03/2000	Nam	D14LK01	340	305	**645**	
IV	**Ngành Quản trị nhân lực:**										
1	13/9/2020	1114010698	Nguyễn Quốc	Hưng	14/02/2000	Nam	D14STQL01	235	205	**440**	

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
2	13/9/2020	1114010703	Nguyễn Đình	Mạnh	07/01/2000	Nam	D14STQL01	250	160	**410**	
3	13/9/2020	1114010423	Nguyễn Thị	Thắm	02/12/2000	Nữ	D14QL07	195	375	**570**	

Danh sách này có 13 sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC V
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHOÁ 15 (2019-2023)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày /9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Ngày thi	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Điểm quy đổi TOEIC			Ghi chú
								Kỹ năng Nghe	Kỹ năng Đọc	Tổng điểm	
I	**Ngành Quản trị nhân lực:**										
1	13/9/2020	1115010304	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/05/2001	Nữ	D15QL5	210	205	**415**	

Danh sách này có 01 sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng